TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST Ngày: 12 /4/2019 "*V/v chị C ly hôn anh T*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông **Kiều Duy Thịnh**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà **Nguyễn Thị Thu** - Cán bộ Toà án N dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thủy Tiên -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án N dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N gia đình thụ lý số: 229/2018/TLST-DS ngày 25/12/2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 19/03/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Ngọc C**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện X, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Anh **Kiều Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội, đã được triệu tập hợp lên đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/6/2018 và trong quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc C trình bày:

Tôi kết hôn với anh Kiều Văn T vào ngày 23/4/2012; Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu 1 tháng và đã đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Khi cưới tôi mới tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm Hà Nam chưa có việc

làm; Còn anh T làm nghề tự do. Cưới xong, vợ chồng chung sống với nhau luôn và thực sự thương yêu nhau. Vợ chồng sống chung với gia đình chồng được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do tôi chỉ có một khoảng thời gian ngắn tìm hiểu nên chưa biết rõ về anh T và gia đình chồng. Khi về chung sống mới biết anh T sống buông thả, thường xuyên gái gú, cờ bạc. Anh T chơi lô đề bán hết cả dàn máy quán nét của gia đình chồng đầu tư cho vợ chồng. Tôi và gia đình chồng đã khuyên nhủ anh T từ bỏ cờ bạc nhưng anh không sửa chữa mà tiếp tục ngày càng chơi to. Anh T tiếp tục chơi cờ bạc thua phải bán cả hai xe máy của gia đình cho anh T để trả nợ. Tháng 11 năm 2012, anh T đưa tôi về nhà mẹ đẻ gửi sau đó về nhà bán hết đồ đạc của vợ chồng và bỏ đi lang thang không liên lạc gì với tôi và gia đình. Tôi được bạn bè anh T cho biết là anh quan hệ với nhiều phụ nữ khác không lành mạnh nhưng do tôi không có số điện thoại nên không biết anh quan hệ với ai. Khoảng tháng 12/2013, anh T bị bắt trong Tây Ninh do lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị phạt tù 3 năm. Đến năm 2016, anh T ra trại. Khi ra trại, anh T có vào nhà tôi một lần đe dọa tôi nếu không về chung sống với anh T thì anh sẽ đốt nhà. Từ đó đến nay, vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì với nhau nữa và anh T cũng không liên lạc gì với tôi nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không

Về tài sản chung, công sức chung và nợ chung: Không. Nếu ly hôn tôi không có yêu cầu gì về tài sản.

Về án phí: tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay chị C cương quyết xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Bị đơn, anh Kiều Văn T:

Mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần đến Tòa án N dân huyện Q để giải quyết nhưng anh Kiều Văn T cố tình lẩn tránh, gây vụ án phải kéo dài. Tại phiên tòa hôm nay anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

N chứng ông Kiều Văn Th và bà Trịnh Thị N là bố mẹ đẻ anh T trình bày:

Chị C, anh T kết hôn vào ngày 23/4/2012. Trước khi kết hôn có tìm hiểu khoảng 4,5 tháng và có đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện X, thành phố Hà Nội. Cưới xong, vợ chồng chung sống với nhau luôn và thực sự thương yêu nhau. Vợ chồng anh T ở chung với nhau môt khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên N mâu thuẫn là do anh T vi phạm pháp luật ở Tây Ninh phải đi trại cải tạo. Chị C ở nhà bỏ về nhà mẹ đẻ. Tháng 3/2016, anh T ra trại có đến nhà chị C nối lại tình cảm để vợ chồng toàn tụ nhưng mẹ chị C không đồng ý. Hiện nay, anh T đang đi làm tại Hà Nội, thỉnh thoảng về chơi nhưng vợ chồng không có quan hệ gì với nhau nữa. Gia đình tôi và gia đình chị C cũng không còn quan hệ gì với nhau nữa; khả năng đoàn tụ của vợ chồng không còn; quan điểm của vợ chồng tôi là cưới cho con chỉ cưới một lần và mong chị C, anh T đoàn tụ để có vợ, có chồng. Khi anh T về nhà chơi vợ chồng tôi đã thông báo với anh T biết Tòa án có giấy triệu tập ra tòa giải quyết việc ly hôn với chị C. Nhưng anh T nói rằng do chị C nói là không cần chữ ký của anh T cũng giải quyết ly hôn được nên anh T không ra tòa làm việc. Vợ chồng tôi đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị C. Còn anh T nói kiên quyết không ra tòa mặc cho chị C và Tòa án giải quyết thế nào thì giải quyết.

Về con chung: Không

Về tài sản chung, công sức chung và nợ chung: Không

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng:

+ Về việc thực hiện tố tụng của thẩm phán, thư ký và đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70 của bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không đến Tòa làm việc nhưng cũng được biết về việc giải quyết vụ án nhưng cố tình lẩn tránh nhằm kéo dài vụ án. Vì vậy việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần hai vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án

+ Chị Đinh Thị Ngọc C và anh Kiều Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã T là hôn N hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, gái gú, vi phạm pháp luật phải vào trại cải tạo; chị C và gia đình đã khuyên can nhưng anh T không sửa chữa ngày càng lao sâu vào cờ bạc dẫn đến chị C về nhà mẹ đẻ sống và không còn tình cảm

với nhau nữa. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 luật Hôn N và gia đình xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Ngọc C.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Không có

+ Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Kiều Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn của Tòa án N dân huyện Q.

Anh Kiều Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh dẫn đến vụ án kéo dài. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Đinh Thị Ngọc C và anh Kiều Văn T cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đã đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện X, thành phố Hà Nội là hôn N hợp pháp. Quá trình chung sống do anh T lừa dối chị C và thường xuyên cờ bạc, gái gú và anh T còn vi phạm pháp luật tại Tây Ninh. Chị C đã về nhà mẹ đẻ để sống. Sau khi anh T ra trại, anh T còn đến nhà mẹ đẻ chị C dọa đốt nhà nếu chị C không về chung sống với anh T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; Đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn N không đạt được nên xử cho chị C được ly hôn anh T. Tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn kiên quyết ly hôn anh T, anh T vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX xét thấy cho chị Đinh Thị Ngọc C ly hôn anh Kiều Văn T là phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

Về các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điều 39; điều 147; khoản 2 điều 228; điều 271; điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toàn án.

Áp dụng điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/6/2018 của chị Đinh Thị Ngọc C đối với anh Kiều Văn T;

1.Về hôn N: Chị Đinh Thị Ngọc C ly hôn với anh Kiều Văn T

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010633 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Ngọc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kiều Văn T được quyền kháng áo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Q;*
- *THADS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh